

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 254/ /2008/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 05 tháng 12 năm 2008

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống y tế tỉnh Bắc Kạn giai đoạn đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020.

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị quyết số: 37/CP ngày 20/6/1996 của Chính phủ về định hướng chiến lược công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân giai đoạn 1996- 2000 và đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số: 46/2005/NQ/TW ngày 23/02/2005 của Bộ Chính trị về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới và Chỉ thị số: 47-CT/TU ngày 26/7/2005 của Ban thường vụ Tỉnh ủy Bắc Kạn về việc thực hiện Nghị quyết số: 46-NQ/TW của Bộ Chính trị về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới; Chỉ thị số: 06-CT/TW ngày 22/01/2002 của Ban Bí thư trung ương Đảng về "Củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở";

Căn cứ Quyết định số: 35/2001/QĐ-TTg ngày 19/3/2001 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân giai đoạn 2001-2010; Căn cứ Quyết định số: 186/QĐ-TTg ngày 08/12/2001 của Thủ tướng Chính Phủ về phát triển kinh tế xã hội 06 tỉnh đặc biệt khó khăn miền núi phía Bắc thời kỳ 2001-2005;

Căn cứ Quyết định số: 153/2006/QĐ-TTg ngày 30/6/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống y tế Việt Nam giai đoạn đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư số: 03/2008/TTLT-BYT-BNV ngày 25/4/2008 của liên Bộ Y tế-Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế, Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Kạn từ 2001 đến 2010. Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ VIII, lần thứ IX và Nghị quyết số: 10-NQ/TU ngày 08 tháng 10 năm 2002 của Tỉnh ủy Bắc Kạn về công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân;

Xét đề nghị của Sở Y tế Bắc Kạn tại Tờ trình số: 1088/TTr-SYT ngày 14/11/2008 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống y tế tỉnh Bắc Kạn giai đoạn đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống y tế tỉnh Bắc Kạn giai đoạn đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020 với nội dung chủ yếu sau:

1. Hệ thống y tế theo quy hoạch này gồm mạng lưới cung cấp dịch vụ y tế dự phòng, y tế cơ sở, khám bệnh, chữa bệnh, điều dưỡng và phục hồi chức năng, mạng lưới đào tạo, phân phối cung ứng thuốc, trang thiết bị y tế.

## 2. Mục tiêu chung:

Xây dựng hệ thống y tế từng bước hiện đại, phù hợp với đặc điểm dân tộc, từng bước hoàn chỉnh và đồng bộ theo hướng công bằng, hiệu quả và phát triển; đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của nhân dân về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe; giảm tỷ lệ mắc bệnh, tật và tử vong, tăng tuổi thọ, cải thiện chất lượng cuộc sống.

## 3. Mục tiêu cụ thể

3.1. Đầu tư phát triển hệ thống y tế dự phòng có trọng điểm đủ khả năng dự báo, giám sát, phát hiện và khống chế các dịch bệnh, giảm tử vong do các bệnh dịch gây ra.

3.2. Đầu tư, sắp xếp lại mạng lưới khám chữa bệnh, phục hồi chức năng để đảm bảo tính hệ thống và tính liên tục trong hoạt động chuyên môn toàn tuyến điều trị; phát triển cân đối, hợp lý giữa các bệnh viện trên địa bàn.

- Phân đầu đến năm 2010 có 25 giường bệnh/vạn dân và năm 2020 là 30 giường/vạn dân (tính cả giường của bệnh viện tư, không tính giường tại trạm y tế).

- Xây mới các bệnh viện phù hợp quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Trong đó chọn khâu đột phá với Bệnh viện khu vực Bắc Kạn đủ sức làm đầu tàu cho sự phát triển hệ thống điều trị toàn tỉnh. Đảm bảo cho khai thác, sử dụng lâu dài, đủ điều kiện để hiện đại hoá. Đặc biệt quan tâm đến xử lý chất thải, chống nhiễm khuẩn, vệ sinh môi trường.

3.3. Củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở nâng cao khả năng tiếp cận của người dân với các dịch vụ y tế thiết yếu. Đến năm 2015 tất cả các trạm y tế đều được xây dựng kiên cố và đạt Chuẩn Quốc gia về y tế xã.

3.4. Củng cố và phát triển mạng lưới lưu thông, phân phối, cung ứng thuốc và vật tư y tế hợp lý. Quy hoạch và phát triển vùng dược liệu trên địa bàn.

3.5. Đảm bảo nguồn cán bộ y tế có chất lượng phục vụ tại các tuyến.

## 4. Nội dung phát triển hệ thống y tế tỉnh Bắc Kạn:

### 4.1. Phát triển mạng lưới y tế dự phòng.

#### 4.1.1. Tuyến tỉnh.

- Từng bước phát triển và nâng cao chất lượng y tế dự phòng theo hướng tập trung cao, tinh giản biên chế, đa chức năng trong một tổ chức thống nhất, đủ sức phát hiện, giám sát, kiểm soát, hướng dẫn xử lý giáo dục truyền thông để giải quyết tốt các bệnh xã hội, bệnh truyền nhiễm, vắc xin, sinh phẩm, vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường, y tế trường học và bệnh nghề nghiệp.

- Đầu tư xây dựng Trung tâm Truyền thông giáo dục sức khỏe cả về cơ sở, trang thiết bị, nhân lực nhằm nâng cao năng lực công tác truyền thông. Từng bước xã hội hóa công tác truyền thông giáo dục sức khỏe.

- Tiếp tục đầu tư phát triển Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản về mọi mặt để đảm bảo cung cấp các dịch vụ cho các bà mẹ có thai, nuôi con nhỏ, thực hiện dự phòng và điều trị các bệnh nhiễm khuẩn đường sinh sản, bệnh lây truyền qua đường tình dục. Phát hiện sớm các ung thư đường sinh dục, điều trị vô sinh, nạo phá thai toàn... và thực hiện các dịch vụ Kế hoạch hóa gia đình.

- Đầu tư xây dựng, củng cố và hoàn thiện Trung tâm Kiểm nghiệm, trang bị các thiết bị hiện đại đủ khả năng thực hiện kiểm nghiệm, phân tích hóa, hóa lý, vi sinh... thuộc các lĩnh vực về thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm và có thể thêm các lĩnh vực khác về nước, môi trường, miễn dịch.... để phát huy và tận dụng công suất hoạt động của thiết bị. Định hướng về lâu dài là thành lập Trung tâm LABO từ Trung tâm Kiểm nghiệm để phục vụ nhiệm vụ của ngành cũng như phục vụ một số nghiên cứu khoa học của tỉnh.

- Từng bước đầu tư cho các hoạt động về công tác vệ sinh lao động, vệ sinh môi trường, y tế trường học và bệnh nghề nghiệp.

#### 4.1.2. Tuyên huyện.

- Từ năm 2008 đến 2010 nâng cao năng lực hoạt động Đội y tế dự phòng các huyện, thị xã để thực hiện các nhiệm vụ: Vệ sinh phòng bệnh, giám sát, phát hiện và phòng chống dịch, kiểm soát và phòng chống HIV/AIDS, kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm, chăm sóc sức khỏe sinh sản, quản lý và điều trị các bệnh xã hội... Củng cố, nâng cấp phòng xét nghiệm để phát hiện, chẩn đoán bệnh Lao, Sốt rét, HIV.

- Sau năm 2010 xây dựng Trung tâm y tế dự phòng tuyên huyện để đảm bảo hệ thống giám sát dịch bệnh và phòng chống dịch.

#### 4.2. Phát triển mạng lưới khám chữa bệnh, điều dưỡng và phục hồi chức năng.

##### 4.2.1. Phát triển mạng lưới khám chữa bệnh đảm bảo tính hệ thống và theo cụm dân cư.

a, Tuyên tỉnh:

Xây dựng mới Bệnh viện khu vực Bắc Kạn làm khâu đột phá đủ sức làm nhiệm vụ đầu tàu trong hệ thống điều trị. Sử dụng bệnh viện 300 giường hiện tại để thành lập các bệnh viện chuyên khoa: Bệnh viện Đông Y, bệnh viện Lao và Bệnh phổi, bệnh viện Tâm thần, bệnh viện Điều dưỡng - Phục hồi chức năng và bệnh viện Phụ sản.

b, Tuyên huyện: Các huyện, thị xã phải có bệnh viện quy mô từ 50-100 giường.

- Hoàn chỉnh bệnh viện huyện Ba Bể 60 giường bệnh, bệnh viện huyện Bạch Thông 50 giường bệnh, bệnh viện Ngân Sơn huyện 50 giường bệnh, bệnh viện huyện Pác Nặm 50 giường bệnh, bệnh viện huyện Chợ Mới 50 giường bệnh.

- Xây mới bệnh viện huyện Na Rì 100 giường, Bệnh viện huyện Chợ Đồn 70 giường và Bệnh viện thị xã Bắc Kạn 50 giường (khi đưa Bệnh viện khu vực

Bắc Kạn vào sử dụng sẽ chuyển Bệnh viện thị xã Bắc Kạn thành Phòng khám đa khoa thị xã Bắc Kạn).

- Sáp nhập các Phòng khám đa khoa cụm xã Quảng Khê, Khang Ninh, Lục Bình, Bình Trung, Đồng Lạc, Lạng Sơn, Hào Nghĩa vào trạm y tế thành trạm y tế. Từng bước nâng cấp Phòng khám đa khoa Yên Cư, Nà Phặc thành bệnh viện khu vực cụm dân cư liên huyện Nà Phặc, Yên Cư.

- Đầu tư trang thiết bị y tế cho các bệnh viện tuyến huyện.

c, Tuyến xã, phường:

Các trạm y tế xã chỉ có 2-3 giường lưu không có giường điều trị. Trạm y tế thực hiện công tác khám bệnh, kê đơn thuốc điều trị ngoại trú tại nhà; thực hiện đỡ đẻ thường và xử lý các cấp cứu thông thường...

4.2.2. Củng cố sắp xếp lại các tuyến điều trị theo cấp độ từ thấp đến cao.

a, Tuyến 1:

Mỗi xã, phường có 01 trạm y tế biên chế đủ bác sĩ. Trạm y tế và phòng khám đa khoa khu vực cụm xã là đơn vị tiếp nhận bệnh nhân từ cộng đồng, thực hiện khám chữa bệnh và cấp cứu ban đầu.

- Phân đầu đến năm 2015 tất cả các xã đều đạt Chuẩn Quốc gia về y tế xã. Các trạm y tế có ít nhất 02 giường lưu bệnh nhân.

- Đầu tư các dụng cụ y tế và trang thiết bị y tế đơn giản để phục vụ cho công tác chẩn đoán và điều trị.

- Các phòng khám đa khoa khu vực cụm xã (Nà Phặc, Yên Cư) mỗi phòng khám có từ 10-15 giường bệnh và được bổ sung nhân lực, kinh phí, trang thiết bị cho hoạt động.

b, Tuyến 2.

- Là bệnh viện đa khoa tuyến huyện, thị xã và bệnh viện khu vực liên huyện, quy mô từ 50 đến 100 giường bệnh thực hiện các kỹ thuật cơ bản mang tính đa khoa và tiếp nhận bệnh nhân từ cộng đồng hay từ các trạm y tế.

- Mỗi huyện, thị xã có 01 bệnh viện đạt Tiêu chuẩn hạng III với các khoa chính là: Phòng khám, Nội, Ngoại, Sản phụ, Nhi, Truyền nhiễm, liên khoa Tai Mũi Họng- Răng hàm mặt- Mắt, Liên khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh.

c, Tuyến 3. gồm:

- Bệnh viện đa khoa tỉnh làm cả nhiệm vụ khu vực có tính chất làm một bệnh viện đa khoa, chuyên khoa sâu, tổ chức theo mô hình Viện-Trường đủ sức triển khai các kỹ thuật mới, kỹ thuật cao trong chẩn đoán và điều trị, làm tròn chức năng huấn luyện, đào tạo, nghiên cứu khoa học, chỉ đạo tuyến và hợp tác quốc tế. Là tuyến sau của các bệnh viện huyện và khu vực. Tuyến cao nhất của hệ thống điều trị của toàn tỉnh. Là cơ sở chỉ đạo và thực hành của trường Trung học y tế, bổ túc sau đại học, bổ túc nâng cao tay nghề về Y-Dược-Trang thiết bị y tế cho hệ thống y tế toàn tỉnh.

- Thành lập các bệnh viện chuyên khoa: Bệnh viện Đông Y, bệnh viện Lao và Bệnh phổi, bệnh viện Tâm thần, bệnh viện Điều dưỡng - Phục hồi chức năng

và bệnh viện Phụ sản (Dự kiến cải tạo bệnh viện đa khoa cũ, sau khi đưa vào sử dụng bệnh viện đa khoa mới).

#### 4.2.3. Mạng lưới vận chuyển cấp cứu.

- Từ nay đến năm 2010 tổ chức tốt Đội vận chuyển cấp cứu thuộc Bệnh viện đa khoa tỉnh. Đội vận chuyển cấp cứu được trang bị các phương tiện cấp cứu, vận chuyển cấp cứu, tổ chức đào tạo chuyên môn, kỹ thuật trong công tác vận chuyển và cấp cứu bệnh nhân. Từ năm 2011 thành lập Trung tâm vận chuyển cấp cứu bệnh nhân của tỉnh, có thể thành lập các chốt, trạm cấp cứu tại các địa điểm, trục đường hay xảy ra tai nạn nếu cần thiết.

- Khuyến khích, tạo điều kiện cho các tổ chức, tư nhân đủ điều kiện tham gia hành nghề, phát triển dịch vụ vận chuyển cấp cứu bệnh nhân.

#### 4.2.4. Phát triển y tế tư nhân.

- Y tế tư nhân bao gồm các bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa, phòng khám đa khoa, phòng khám chuyên khoa, các trung tâm tư vấn về sức khỏe, các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuốc, trang thiết bị y tế, vắc xin, sinh phẩm... chịu sự quản lý của Sở Y tế và sự giám sát của Phòng y tế các huyện, thị xã.

- Khuyến khích và tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân phát triển các bệnh viện, các phòng khám bệnh tại các địa phương trong tỉnh. Khuyến khích phát triển các nhà điều dưỡng tư, các trung tâm tư vấn sức khỏe, các mô hình chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng nhằm chia sẻ gánh nặng bệnh tật tại cộng đồng, tạo sự cạnh tranh lành mạnh giữa các cơ sở y tế Công - Tư trong khu vực phục vụ.

- Từng bước thực hiện khám chữa bệnh tư theo bảo hiểm y tế để thuận tiện cho người dân trước hết là khám chữa bệnh cho người nghèo và trẻ em dưới 6 tuổi theo thẻ BHYT.

#### 4.3. Phát triển mạng lưới y dược học cổ truyền.

- Thành lập Bệnh viện Y học cổ truyền (Bệnh viện Đông Y) tuyến tỉnh.

- Thành lập Tổ y học cổ truyền lồng ghép trong khoa nội tổng hợp bệnh viện đa khoa huyện.

- Bố trí cán bộ làm công tác y học cổ truyền tại trạm y tế xã.

- Xây dựng vườn thuốc nam tại các cơ sở điều trị.

- Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cán bộ y học cổ truyền.

#### 4.4. Củng cố hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở.

- Củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở (xã, thôn bản) để thực hiện nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu đáp ứng nhu cầu các dịch vụ y tế cơ bản, có chất lượng cho mọi người dân nhất là người nghèo, người dân tộc, vùng sâu, vùng xa thực hiện công bằng, hiệu quả trong bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

- Nâng cấp và mở rộng trạm y tế cả về cơ sở, trang thiết bị và dụng cụ y tế.

- Bố trí nhân lực cho trạm y tế từ 4-6 cán bộ, đảm bảo cơ cấu trong đó có bác sĩ, điều dưỡng viên, Nữ hộ sinh hoặc y sĩ sản nhi, cán bộ y học cổ truyền và cán bộ kiêm nhiệm dược tá.

- Các trạm y tế xã, phường đảm bảo đủ khả năng thực hiện các nhiệm vụ trong chăm sóc sức khỏe ban đầu, chẩn đoán điều trị các bệnh thường gặp, thực hành cấp cứu ban đầu, sơ cứu các tai nạn, thương tích và thực hiện quản lý các bệnh xã hội theo phân công và quản lý thuốc chữa bệnh trên địa bàn.

- Mỗi thôn bản, tổ phố có một nhân viên y tế có trình độ Sơ học.

- Phân đầu đến năm 2015 tất cả các xã, phường trên địa bàn đạt Chuẩn Quốc gia về y tế xã.

#### 4.5. Củng cố hệ thống Dân số- Kế hoạch hoá gia đình.

- Củng cố tổ chức bộ máy quản lý Chi cục Dân số Kế hoạch hoá gia đình.

- Thành lập Trung tâm dân số Kế hoạch hoá gia đình huyện, thị xã và đi vào hoạt động từ tháng 01/2009. Phát huy hoạt động quản lý dữ liệu Dân số huyện, thị (trung tâm dữ liệu dân số huyện, thị cũ).

- Rà soát lại trình độ, bằng cấp của đội ngũ chuyên trách Dân số- Kế hoạch hoá gia đình các xã, phường. Tuyển chọn cán bộ chuyên trách có đủ điều kiện theo qui định của Nhà nước vào làm chuyên trách dân số (biên chế trạm y tế xã, phường). Xây dựng kế hoạch cụ thể giải quyết hợp lý các trường hợp không đủ điều kiện xét chuyển vào biên chế.

- Duy trì đội ngũ cộng tác viên Dân số do nhân viên y tế thôn bản đảm nhiệm tại các thôn bản, tổ phố.

#### 5. Các giải pháp chủ yếu chính :

##### 5.1. Đảm bảo nguồn nhân lực cho các cơ sở y tế.

Phấn đầu đến năm 2010, toàn tỉnh có 10 bác sĩ/vạn dân và 0,7 dược sĩ đại học/vạn dân. Đảm bảo cơ cấu cán bộ để đạt tỷ lệ 1 bác sĩ/3,5 y tá-điều dưỡng và đến năm 2020 đạt 12 bác sĩ/ vạn dân và 2-2,5 dược sĩ đại học /vạn dân.

Để đạt mục tiêu trên các giải pháp chủ yếu là:

- Xây dựng Trường Trung cấp Y để từ đó nâng cấp lên Cao đẳng kỹ thuật y tế để đào tạo cán bộ nghiệp vụ kỹ thuật y tế.

- Tuyển đủ số lượng cán bộ và cơ cấu cán bộ đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ trong quá trình phát triển.

- Đào tạo Chuyên tu đại học Y, dược.

- Đào tạo theo hệ cử tuyển, đào tạo theo địa chỉ.

- Đào tạo nâng cao tay nghề.

- Đào tạo sau đại học: CKI, CKII, Thạc sĩ, Tiến sĩ.

- Đào tạo đủ nhân viên y tế thôn bản có trình độ Sơ học và Trung học.

- Có chế độ đãi ngộ hợp lý để thu hút cán bộ có trình độ cao nơi khác đến công tác tại Bắc Kạn.

##### 5.2. Về Tài chính.

- Ưu tiên tăng ngân sách Nhà nước cho sự nghiệp y tế từ 8-10% tổng chi ngân sách của tỉnh tạo bước bứt phá cho phát triển lĩnh vực y tế.

- Sửa đổi định mức chi thường xuyên ưu tiên cho hoạt động sự nghiệp y tế.

- Tổ chức thực hiện tốt cơ chế tự chủ về tài chính đối với các cơ sở y tế công lập nhằm phát huy tính năng động, sáng tạo và nâng cao tinh thần trách nhiệm của cơ sở.

- Tranh thủ sự giúp đỡ của Bộ Y tế và các Viện đầu ngành.

- Thực hiện xã hội hóa lĩnh vực y tế. Tăng cường tuyên truyền vận động các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước cho y tế.

- Quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn tài chính đầu tư cho y tế đúng mục đích và đạt hiệu quả cao.

- Tiếp nhận và quản lý tốt các dự án nước ngoài như vốn ODA, nguồn viện trợ không hoàn lại của các Tổ chức Chính phủ, phi Chính phủ nước ngoài và các nguồn viện trợ từ thiện, nhân đạo.

### 5.3. Nhu cầu đầu tư: **1.538 tỷ đồng**

5.3.1 Giai đoạn đến 2010: Nhu cầu cần **1.378** tỷ đồng bao gồm các dự án :

- Xây dựng Bệnh viện khu vực Bắc Kạn: 780 tỷ đồng.

- Xây dựng Trường Trung cấp y tế : 200 tỷ đồng.

- Xây dựng Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS: 17 tỷ đồng.

- Xây dựng Trung tâm Kiểm nghiệm: 20 tỷ đồng.

- Xây dựng 50 trạm y tế để đạt Chuẩn Quốc gia về y tế xã: 100 tỷ đồng.

- Xây dựng mới, hoàn thiện bệnh viện huyện, thị xã: 246 tỷ đồng.

(Chợ đôn 52 tỷ, Na rì 65 tỷ, Thị xã 31 tỷ, Ba bể 34 tỷ + Bach thông 25 tỷ, Pác nặm 15 + Chợ mới 12 + Ngân sơn 12 tỷ)

- Cải tạo, nâng cấp PKĐKKV Nà Phặc, Yên cư: 15 tỷ đồng.

5.3.2 Giai đoạn đến 2015: Nhu cầu cần **15** tỷ đồng.

- Xây dựng Trung tâm Truyền thông giáo dục sức khỏe: 15 tỷ đồng.

5.3.3 Giai đoạn đến 2020: Nhu cầu cần **145** tỷ đồng bao gồm các dự án:

- Xây dựng 46 trạm y tế còn lại đạt Chuẩn Quốc gia về y tế xã: 92 tỷ đồng.

- Cải tạo sửa chữa bệnh viện đa khoa 300 giường hiện tại cho việc thành lập các bệnh viện chuyên khoa: 13 tỷ đồng.

- Xây dựng mới BVĐK khu vực Nà Phặc, Yên cư: 40 tỷ đồng

### 5.4. Giải pháp về đất đai.

- Các địa phương cần có kế hoạch ưu tiên quỹ đất cho xây dựng mới hoặc mở rộng trạm y tế.

- Thực hiện chính sách miễn tiền sử dụng đất, thuê đất đối với các cơ sở y tế ngoài công lập.

- Diện tích đất cho bệnh viện tuyến huyện là 100-120m<sup>2</sup>/giường bệnh.

- Diện tích đất cho Bệnh viện tuyến tỉnh là 60-100 m<sup>2</sup>/giường bệnh.
- Diện tích sàn bình quân/giường bệnh tối thiểu đạt 45-50m<sup>2</sup> với bệnh viện huyện.
- Diện tích sàn bình quân/giường bệnh tối thiểu đạt 60-70m<sup>2</sup> với bệnh viện tỉnh.
- Diện tích sàn bình quân/giường bệnh tối thiểu đạt 50-60m<sup>2</sup> với bệnh viện chuyên khoa

#### 5.5. Phát triển khoa học và công nghệ, bảo vệ môi trường.

- Nghiên cứu áp dụng kỹ thuật hiện đại và công nghệ mới thích hợp với các tuyến phục vụ cho cấp cứu, chẩn đoán, điều trị và dự phòng.

- Đối với Bệnh viện khu vực Bắc Kạn và các Trung tâm chuyên môn của tỉnh tiếp nhận việc chuyển giao khoa học, công nghệ, kỹ thuật từ các bệnh viện tuyến trên và chuyển giao công nghệ cho tuyến huyện khi tuyến huyện thực hiện được.

- Từng bước hiện đại hóa các kỹ thuật về chẩn đoán hình ảnh, chẩn đoán hóa sinh, lý sinh, miễn dịch, di truyền và sinh học phân tử.

- Áp dụng các kỹ thuật và công nghệ tiên tiến về tim mạch, nội soi, chỉnh hình, vi phẫu, thay thế và ghép phủ tạng...

- Sử dụng các công nghệ hiện đại, tiên tiến trong công tác vệ sinh môi trường và xử lý chất thải y tế.

- Phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và trong hoạt động chuyên môn.

#### 5.6. Đảm bảo cung cấp thuốc chữa bệnh và vật tư y tế tiêu hao.

- Nâng cao năng lực quản lý Nhà nước về Dược. Thực hiện tốt khâu lưu thông, phân phối thuốc. Cung ứng đủ thuốc phòng bệnh, chữa bệnh vật tư y tế tiêu hao giá cả hợp lý.

- Thực hiện quản lý tốt về Dược phẩm, mỹ phẩm và thực phẩm phù hợp với cơ chế thị trường theo định hướng XHCN.

#### 5.7. Cung cấp trang thiết bị cho các cơ sở y tế.

- Cung cấp đủ các trang thiết bị cho các tuyến, từng bước hiện đại hóa các trang thiết bị cho các cơ sở y tế.

- Nâng cao năng lực sử dụng, vận hành các thiết bị tại các cơ sở y tế. Cử cố bộ phận thực hiện công tác duy tu, bảo trì, bảo dưỡng và bảo quản các thiết bị

#### 5.8. Nâng cao năng lực quản lý.

- Phân cấp quản lý rõ ràng cho các tuyến y tế. Thực hiện giao quyền tự chủ về tài chính cho các đơn vị.

- Nâng cao năng lực lập kế hoạch, thường xuyên theo dõi, giám sát kết quả hoạt động và chỉ tiêu kế hoạch.

- Nâng cao kiến thức về quản lý Nhà nước cho cán bộ.

- Tăng cường thông tin y tế, ứng dụng tin học trong thống kê, quản lý.



5.9. Tăng cường hợp tác với các đơn vị, địa phương và xin viện trợ.

- Tăng cường hợp tác, liên kết với các đơn vị trong ngành để học tập, trao đổi kinh nghiệm trong chuyên môn và quản lý. Xây dựng các đề án đầu tư để kêu gọi đầu tư từ các doanh nghiệp, các địa phương có khả năng giúp đỡ.

- Mở rộng liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, phát triển các lĩnh vực của ngành. Tăng cường xin các nguồn viện trợ không hoàn lại từ các tổ chức Chính phủ, Phi Chính phủ và cá nhân.

6. Lộ trình thực hiện quy hoạch:

6.1. Giai đoạn đến năm 2010.

- Ưu tiên đầu tư nâng cấp bệnh viện tuyến huyện, thị xã.

- Triển khai xây dựng Bệnh viện khu vực Bắc Kạn và Trường Trung cấp Y thuộc tỉnh.

- Hoàn thiện các bệnh viện đã được đầu tư xây dựng còn thiếu các hạng mục xử lý chất thải y tế.

- Củng cố các trạm y tế cả về xây dựng cơ sở và cung cấp trang thiết bị y tế.

- Xây dựng Trung tâm Kiểm nghiệm và Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS.

6.2. Giai đoạn sau năm 2010.

- Tiếp tục đầu tư xây dựng và cung cấp thiết bị cho Trạm y tế xã, phường.

- Đầu tư xây dựng Trung tâm Truyền thông – GDSK.

- Cải tạo bệnh viện 300 giường hiện nay thành các bệnh viện chuyên khoa, thành lập các Bệnh viện chuyên khoa.

- Xây dựng và thành lập bệnh viện khu vực liên huyện Nà Phặc, Yên cứ.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện.**

- Sở Y tế là cơ quan chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai và tổ chức kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, định kỳ tổng hợp kết quả báo cáo UBND tỉnh và Bộ Y tế.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm huy động và cân đối các nguồn lực đầu tư cho y tế để thực hiện quy hoạch theo đúng tiến độ. Giám sát việc thực hiện quy hoạch trên toàn địa bàn tỉnh.

- Sở Tài chính phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư đảm bảo nguồn Ngân sách Nhà nước cấp cho y tế theo kế hoạch hàng năm và kế hoạch từng giai đoạn.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã chịu trách nhiệm triển khai thực hiện quy hoạch, bố trí quỹ đất dành cho việc xây dựng các Trung tâm chuyên môn thuộc Sở Y tế, Bệnh viện và Trạm y tế.

**Điều 3.** Quyết định này không áp dụng đối với hệ thống y tế thuộc lực lượng Quốc phòng, Công an.

**Điều 4.** Các ông, bà: Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho Bạc

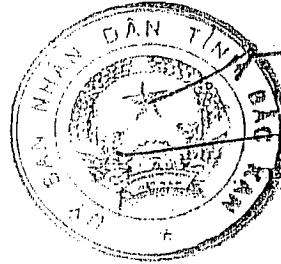
Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện thị xã và Thủ trưởng các ngành chức năng liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như điều 4 (t/h)
- Bộ Y tế;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVPTII;
- Lưu: VT-THKT-VX 306

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

K. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



*btg*  
Hoàng Thị Tảo